TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2023
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023; về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số C, đường N, tổ B, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số G, đường H, tổ A, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thúy N, anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ. Sau khi kết hông chị N, anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, không lo lắm ăn, không chăm lo cho gia đình. Mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh T vẫn không thay đổi được mà còn kiếm chuyện gây gỗ, chưởi bới, đánh đập chị N. Từ đó mẫu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Do không chịu được cảnh chồng đánh đập nên vào năm 2017 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đi làm tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị N không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị N anh T có hai người con chung là Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 17/11/2009; Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 15/01/2013. Từ khi ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:

Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra viên giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giả, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh bút lục 32 thể hiện:

Chị Nguyễn Thị Thúy N, anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị N, anh T sinh sống cùng gia đình chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc. Khi gia đình, vợ con khuyên bảo thì không thay đổi mà còn kiếm chuyện gây gỗ, đánh đập nên chị N và các con đã bỏ về chung sống với cha mẹ ruột. Từ đó chị N, anh T không còn qua lại với nhau.

Tại biên bản xác minh bút lục 33 thể hiện:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, hiện nay có đăng ký thường trú tại số nhà G, đường H, tổ A, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ. Gia đình có nhân được đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con gửi cho anh T. Gia đình đều thông báo trực tiếp cho anh T được biết. Tuy nhiên, vì không sắp xếp được công việc nên anh T không thể đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án. Chi N, anh T kết hôn năm 2010 và chung sống với gia đình nhà chồng đến năm 2016 thì ly thân. Mâu thuẫn giữa chị N và anh T gia đình không rõ, chỉ thấy chị N, anh T hay cải vả, bất đồng quan điểm, gia đình đã can thiệp nhưng không được. Chi N, anh T có hai người con chung là Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 17/11/2009; Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 15/01/2013. Từ năm 2016 đến nay các con đều do chị N nuôi dưỡng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giao con chung Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 17/11/2009 và Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 15/01/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với anh Nguyễn Văn T nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lế đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị Trần Thị Thúy N2, anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 09/3/2010, số vào sổ 19/2010, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị N2, anh T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chăm lo làm ăn, không lo cho gia đình. Mặc dù chị N2 và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, đồng viên để anh T thay đổi nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng ly thân. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N2 không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Bản thân anh T sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia,

chứng tỏ anh T cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị N2. Trong khi đó chị N2 cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N2 và anh T đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị N2 được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Qúa trình giải quyết vụ án chị N2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 17/11/2009, Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 15/01/2013; trong khi anh T không có ý kiến gì. Nhận thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại bản tự khai tại bút lục số 22, 23 cả cháu N1 và Y đều có nguyện vọng ở với chị N2. Đồng thời các cháu đều là nữ và kể từ khi ly thân cho đến nay đều do chị N2 trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cho chị N2 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

[6] Chị N2 không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các bên đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Cần buộc chị N2 phải chịu án phí ly hôn là phù hợp.

[9] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1

Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018 và 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 09/3/2010, số vào sổ 19/2010, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 17/11/2009 và Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 15/01/2013.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thúy N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015084, ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài, huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường